

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 14 đường 21 tháng 4, xã Xuân Tân, TX. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 3721 199 Fax: (0251) 3721 199 Website: www.donarubber.com.vn

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai
cấp lần đầu ngày 27/01/2005 cấp đổi lần thứ 5 ngày 01/03/2018)



Bản Thông tin tóm tắt này sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

Số 14, đường 21 tháng 4, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 3721199

Số Fax: (0251) 3721199

Website: www.donarubber.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Nguyễn Đăng Tân - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Địa chỉ: Số 14, đường 21 tháng 4, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 3721199 Fax: (0251) 3721199

Website: www.donarubber.com.vn



MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM.....	3
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	4
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2.	Cơ cấu Tổ chức và Bộ máy quản lý Công ty	7
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:.....	12
4.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đại chúng, những Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	13
5.	Hoạt động kinh doanh.....	14
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 và 2017	16
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	18
8.	Chính sách đối với người lao động	19
9.	Chính sách cổ tức.....	20
10.	Tình hình tài chính	21
11.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty).....	24
12.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	24
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng	28
14.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	28
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	28
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1.	Hội đồng quản trị	28
2.	Ban kiểm soát:	34
3.	Giám đốc và các cán bộ quản lý:	37
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	38
IV.	PHỤ LỤC.....	39



I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM

DIỄN GIẢI

Bản Thông tin tóm tắt

Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.

Cổ phần

Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

Cổ phiếu

Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.

Cổ đông

Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.

Cổ tức

Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính

Công ty, INRUCO, Công ty đại chúng

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp

Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rừng Việt

DOFICO

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

UBCKNN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

SGDCK

Sở Giao dịch Chứng khoán

TTCK

Thị trường Chứng khoán

ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông

HĐQT

Hội đồng quản trị

BKS

Ban Kiểm soát

BTGD

Ban Tổng Giám đốc

CBCNV

Cán bộ công nhân viên

BCTC

Báo cáo tài chính

CTCP

Công ty cổ phần

**II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về Công ty**

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP**
Tên tiếng Anh: **INDUSTRIAL RUBBER JOIN STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **INRUCO**
Logo:



Trụ sở chính: Số 14, đường 21 tháng 4, xã Xuân Tân, Tx.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: (0251) 3721199 Fax: (0251) 3721199

Website: www.donarubber.com.vn

Vốn điều lệ đăng ký: **175.000.000.000 đồng**

Vốn điều lệ thực góp: **175.000.000.000 đồng**

Giấy CN ĐKKD: Số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 27/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 01/03/2018.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây cao su. Chi tiết: Sản xuất, giống, trồng và chăm sóc cây cao su. Khai thác, sơ chế cao su tờ xông khói (RSS), cao su Crepes.	0125 (chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm gỗ cao su.	4663
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn sản phẩm (mủ) cao su.	4669
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn củi cao su.	4661



Stt	Tên ngành	Mã ngành
5	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phát triển cao su dân doanh.	7490
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư.	6810
7	Chăn nuôi lợn (Không chăn nuôi tại trụ sở).	0145
8	Chăn nuôi gia cầm (Không chăn nuôi tại trụ sở).	0146
9	Chăn nuôi khác (Không chăn nuôi tại trụ sở).	0149
10	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (Không hoạt động tại trụ sở).	0162
11	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (Không hoạt động tại trụ sở).	0150
12	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không hoạt động tại trụ sở).	0161
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (đối với hạt điều và bông vải phải thực hiện theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính Phủ). Bán buôn động vật sống (trừ động vật hoang dã).	4620
14	Trồng rừng và chăm sóc rừng (Không hoạt động tại trụ sở).	0210
15	Khai thác gỗ (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác) (không chứa gỗ tròn tại trụ sở).	0221
16	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác).	0222
17	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở).	0240



1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp trước đây là Liên hiệp Nông trường Cao su được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 255/QĐ-UBT ngày 27/8/1976 của UBND tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tiếp quản, cải tạo và xây dựng lại các đồn điền cao su nhỏ, lẻ trong tỉnh, ngoài phạm vi quản lý của Công ty Cao su Đồng Nai (nay là Tổng công ty Cao su Đồng Nai trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam), có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập.

Năm 1993, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho phép thành lập lại doanh nghiệp theo quyết định 388 của Thủ tướng Chính phủ, và UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định thành lập lại doanh nghiệp số 183/QĐ.UBT ngày 10/3/1993.

Ngày 15/11/2004 UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định số 5509/QĐ.CT.UBT chuyển đổi Công ty thành Công ty TNHH một thành viên Cao su Công nghiệp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2006 Thủ Tướng chính phủ có quyết định số 209/2006QĐ-TTg phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới nông lâm trường quốc doanh thuộc tỉnh Đồng Nai, Công ty được giữ nguyên mô hình công ty TNHH MTV nhà nước giữ 100% vốn điều lệ.

Ngày 24/11/2008 UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định số 3935/QĐ-UBND chuyển giao Công ty TNHH một thành viên Cao su Công nghiệp cho Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai làm đại diện chủ sở hữu. Công ty là công ty con, hoạt động trong mô hình Công ty Mẹ - Công ty con của Tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

Ngày 20/07/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2286/QĐ-UBND về kế hoạch chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp thành công ty cổ phần. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai công tác cổ phần hóa và chính thức tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM vào ngày 05/12/2017, sau đó tiếp tục hoàn tất chào bán cho nhà đầu tư chiến lược và người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

Ngày 09/02/2018, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp. Đến ngày 01/03/2018, Công ty chính thức được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259017 đăng ký lần đầu ngày 27/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01/03/2018 để chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

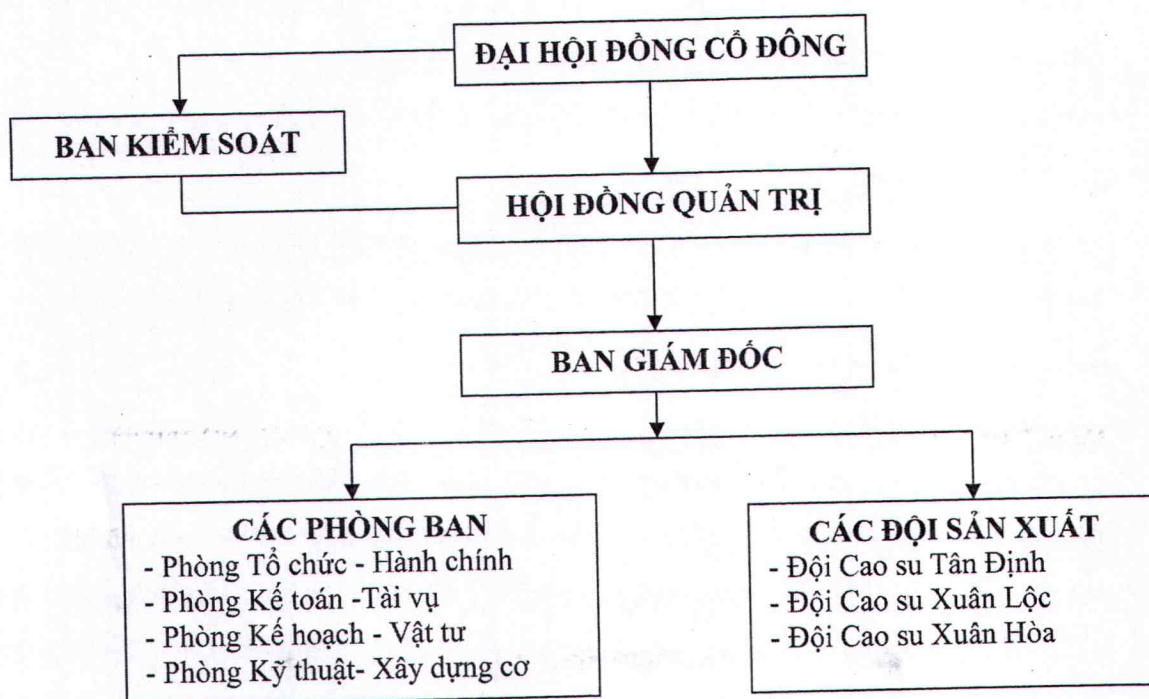


1.3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty chính thức chuyển đổi sang loại hình Công ty cổ phần theo Giấy CN ĐKKD số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ năm ngày 01/03/2018.

Từ lúc chuyển đổi sang Công ty cổ phần cho đến nay, vốn điều lệ Công ty vẫn được giữ nguyên là 175.000.000.000 đồng.

2. Cơ cấu Tổ chức và Bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: CTCP Cao su Công nghiệp

2.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

2.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên (gồm Chủ tịch và 04 thành viên).



2.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Số lượng thành viên BKS là 03 thành viên (gồm Trưởng ban và 02 thành viên).

2.4 Ban Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc.

2.5 Kế toán trưởng

Kế toán trưởng do Giám đốc đề nghị để HĐQT bổ nhiệm, giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

2.6 Các phòng chuyên môn nghiệp vụ

Phòng Tổ chức - Hành chính

Là phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu cho, Giám đốc Công ty trong lĩnh vực tổ chức - cán bộ, hành chính- quản trị, lao động và tiền lương của Công ty. Nhiệm vụ cụ thể gồm:

- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác tổ chức, cán bộ, tuyển dụng, điều động, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ- công nhân viên lao động, tham mưu thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động trong công ty theo thẩm quyền được quy định trong Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
- Tham mưu và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ- công nhân viên lao động; tổ chức thực hiện công tác lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, vệ sinh lao động, công tác y tế, bảo vệ, phòng chống cháy nổ toàn Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty xây dựng các nội quy, quy chế, các văn bản liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, quản trị nhân sự, hành chính và chế độ, chính sách của người lao động trong Công ty, đồng thời giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế công ty của cán bộ - công nhân viên công ty.



- Tham mưu và tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ trong công ty theo quy định pháp luật hiện hành.

✚ **Phòng Kế hoạch - Vật tư.**

Là phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác lập kế hoạch sản xuất- kinh doanh, hoạch định phương án đầu tư. Nhiệm vụ cụ thể gồm:

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về kế hoạch sản xuất- kinh doanh, tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất- kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- Tổ chức đàm phán, soạn thảo, quản lý các hợp đồng kinh doanh, hồ sơ liên quan đến sản phẩm; theo dõi, đôn đốc các đội, bộ phận trực thuộc Công ty bảo đảm các yêu cầu thực hiện các hợp đồng mua bán sản phẩm.
- Tổ chức thực hiện công tác tiếp thị, giao dịch khách hàng.
- Tổ chức cung ứng, quản lý nhập, xuất, bảo quản và thanh quyết toán vật tư, phục vụ cho sản xuất của Công ty.
- Tổng kết, phân tích hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty theo định kỳ.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác liên quan đến đầu tư của Công ty. Kiểm tra, giám sát kế hoạch và dự án đầu tư của Công ty.
- Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ, các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc Công ty triển khai thực hiện kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến đầu tư. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tại các đội cao su, bộ phận trực thuộc và tổ chức thực hiện tốt công tác liên quan đến đầu tư tại Công ty.
- Báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất- kinh doanh, công tác đầu tư, công tác quản lý chất lượng của Công ty.

✚ **Phòng Kỹ thuật – Xây dựng cơ bản**

- Có chức năng tham mưu cho Giám đốc Công ty về lĩnh vực kỹ thuật nông nghiệp, về đầu tư xây dựng cơ bản, về chất lượng sản phẩm và các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên ngành cao su, là đầu mối tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực trên.
- Tham gia xây dựng và thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su của Công ty:



- Xây dựng các dự án và dự toán đầu tư xây dựng cơ bản, đề xuất các giải pháp kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;
- Tham mưu xây dựng kế hoạch sản lượng mủ khai thác, thanh lý, tái canh và chăm sóc vườn cây KTCB hàng năm của Công ty.
- Căn cứ quy trình kỹ thuật của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty ban hành các quy trình tái canh, trồng mới, chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản và chăm sóc, khai thác mủ cao su vườn cây kinh doanh;
- Theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất đai trong Công ty;
- Tham mưu về việc đầu tư khoa học kỹ thuật, áp dụng các biện pháp tăng năng suất;
- Phối hợp với Phòng Kế hoạch tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác đầu tư phân bón, các loại hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật ... phù hợp với từng loại giống, tuổi cây... và từng loại mủ nguyên liệu đưa vào chế biến;
- Xây dựng các đề án, phương án áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây;
- Triển khai, cập nhật và áp dụng bộ giống mới có năng suất chất lượng cao;
- Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất về kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác mủ cao su; tổng kết thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su thiên nhiên; tổ chức xây dựng các mô hình điểm và triển khai rộng rãi trong sản xuất;
- Tham gia tổ chức kiểm kê cây cao su hàng năm, phân tích, đánh giá các số liệu liên quan để phục vụ cho việc xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về kỹ thuật vườn cây định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu;
- Tham mưu Giám đốc thực hiện Quản lý chất lượng sản phẩm cao su và ghi nhãn hiệu hàng hóa theo qui định của pháp luật.

✚ **Phòng Kế toán - Tài vụ:**

Là phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán, hạch toán kinh doanh của Công ty. Nhiệm vụ cụ thể gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

- Tham mưu Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán, thông tin kinh tế và hạch toán kinh doanh của Công ty. Tổ chức công tác kế toán, thống kê trong toàn Công ty.
- Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh tình hình hoạt động sản xuất- kinh doanh và phân tích kết quả hoạt động sản xuất- kinh doanh trong Công ty.
- Quản lý chặt chẽ tài sản, quỹ tiền mặt của Công ty, kịp thời tính toán và trích nộp đầy đủ các khoản nộp ngân sách, các quỹ trong Công ty, thanh toán và thu hồi đầy đủ và kịp thời các nợ phải thu, phải trả.
- Phản ánh chính xác và kịp thời kết quả kiểm kê định kỳ, tham mưu xử lý các khoản hao hụt, mất mát. Lập và gửi các báo cáo theo yêu cầu của Giám đốc Công ty hay các cơ quan chức năng cấp trên đầy đủ và đúng hạn. Tổ chức kiểm tra, xét duyệt các báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc.
- Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính kế toán của Nhà nước cho các bộ phận trong Công ty, bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán trong Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, chịu trách nhiệm về việc sử dụng tài chính, bảo quản và phát triển vốn của Công ty. Phối hợp các bộ phận khác trong Công ty kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.
- Tổ chức đánh giá lại tài sản, xử lý các tình hình tăng giảm tài sản.

2.7 Các đội sản xuất

Công ty có 3 đội sản xuất cao su với diện tích 966,97 ha, một xưởng sơ chế cao su tờ xông khói (RSS), lao động 263 người, nhiệm vụ trồng chăm sóc, khai thác và sơ chế cao su. Trong đó:

- Đội Sản xuất cao su Tân Định diện tích 272,39 ha nằm trên các xã Xuân Tân, Hàng Gòn thị xã Long Khánh và xã Xuân Định huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, có 1 xưởng sơ chế cao su tờ xông khói (RSS) công suất 7,5 tấn/ngày; với số lao động: 96 người.
- Đội Sản xuất Cao su Xuân lộc diện tích 443,52 ha nằm trên các xã Xuân Tân, Xuân Hưng huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; với số lao động: 120 người.
- Đội Sản xuất Cao su Xuân Hòa diện tích 251,06 ha nằm trên các xã Xuân Hòa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và xã Tân Đức huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; với số lao động: 47 người.



3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của CTCP Cao su Công nghiệp tại ngày 26/03/2018 như sau:

Stt	Tên tổ chức	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	3600253505	Số 833A, Xa lộ Hà Nội, KP 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	11.523.600	65,85%
2	CTCP Tập đoàn CAPELLA	0303352628	136-138 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM	1.312.500	7,50%
3	CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	0303898093	362/14 đường Ung Văn Khiêm, Phường 25-Quận Bình Thạnh-Tp.Hồ Chí Minh	1.312.500	7,50%
4	Bùi Anh Tuấn	225306392	Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa	1.391.200	7,95%
5	Vũ Kim Liên	023530969	Số 08, Đường 41, Phường Bình Thuận, Q7, TP HCM	1.448.100	8,27%
@ Tổng cộng				16.987.900	97,07%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2018 của CTCP Cao su Công nghiệp

3.2. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 119 Luật doanh nghiệp năm 2014, công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập. Theo đó, tại thời điểm thực hiện chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần, Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.



3.3. Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 26/03/2018

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	233	17.500.000	100%
	- Tổ chức	3	14.148.600	80,85%
	- Cá nhân	230	3.351.400	19,15%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0%
	Tổng cộng	233	17.500.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2018 của CTCP Cao su Công nghiệp

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đại chúng, những Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

4.1 Danh sách Công ty mẹ của CTCP Cao su Công nghiệp

Tên công ty: **Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai**

Trụ sở chính: **Số 833A, Xa Lộ Hà Nội, KP.1, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**

Điện thoại: **(84.251) 3836 110 - Fax: (84.251) 3836 132**

Giấy CN ĐKDN: **3600253505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/09/2017.**

Vốn điều lệ đăng ký: **2.927.000.000.000 đồng**

Vốn điều lệ thực góp: **2.927.000.000.000 đồng**

Vốn góp tại INRUCO: **115.236.000.000 (chiếm 65,85% vốn điều lệ)**

Ngành nghề kinh doanh chính: **Kinh doanh và cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà cửa. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao, hạ tầng khu dân cư. Kinh doanh bất động sản.**

4.2 Danh sách Công ty con của CTCP Cao su Công nghiệp

Không có.

4.3 Danh sách Công ty liên doanh liên kết của CTCP Cao su Công nghiệp

Không có.



5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực trồng cây cao su và bán buôn mủ cao su, trong đó các sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su tờ xông khói (RSS) và mủ tạp. Về thị trường tiêu thụ, mủ cao su của Công ty hiện nay chủ yếu được cung cấp cho các khách hàng trong nước.

5.2. Các lĩnh vực hoạt động của Công ty

5.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của các nhóm sản phẩm

❖ Doanh thu thuần

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	%(+/-)
Doanh thu bán mủ RSS	46.507.500	65.071.700	39,92%
Doanh thu bán mủ DRC	111.376	-	-
Doanh thu bán mủ tạp	1.001.089	1.510.480	50,88%
Tổng doanh thu thuần	47.619.965	66.582.180	39,82%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO

❖ Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	%(+/-)
Lợi nhuận bán mủ RSS	12.429.213	19.845.285	59,67%
Lợi nhuận bán mủ DRC	26.933	-	-
Lợi nhuận bán mủ tạp	201.457	272.850	35,44%
Tổng lợi nhuận gộp	12.657.603	20.118.135	58,94%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO

Về cơ cấu các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong giai đoạn 2016-2017, chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất và bán mủ RSS, có tổng tỷ trọng trên doanh thu thuần dao động khoảng 98%, trong những năm gần đây sản lượng mủ DRC thu mua được cũng chủ yếu để sản xuất mủ RSS, riêng năm 2016 Công ty có phát sinh lượng mủ DRC bán thô ra bên ngoài chiếm tỷ trọng doanh thu nhỏ. Lượng mủ tạp duy trì tỷ lệ doanh thu khá ổn định trung bình khoảng 2% trên tổng doanh thu thuần.



Trong năm 2016 và 2017 vì sản lượng cao su thu mua bị ảnh hưởng lớn bởi thời tiết và việc phân bố rải rác của các vườn cây cao su dẫn đến việc chăm sóc khó khăn nhiều diện tích cao su gặp hạn. Đồng thời và năng suất cây cao su bị giảm sút do già cỗi, kèm theo đó là giá bán cao su biến động mạnh theo chiều hướng xấu dẫn đến doanh thu giảm so với giai đoạn trước. Để cải thiện kết quả kinh doanh, Công ty đẩy mạnh công tác thu mua để tận dụng hệ thống sản xuất hiện và có biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm sóc, tưới tiêu hợp lý, Công ty sẽ đẩy mạnh công tác tái cây cao su già cỗi và thâm canh để nâng cao năng suất cây trồng.

Lợi nhuận gộp năm 2016 của Công ty đạt 12,7 tỷ đồng chiếm 26,6% doanh thu thuần, sang năm 2017, giá trị này tăng lên 20,1 tỷ đồng tương đương 30,2% doanh thu thuần. Sự tăng trưởng cả về giá trị lẫn tỷ trọng trong doanh thu đạt được do Công ty đã kiểm soát tốt được giá vốn hàng bán trong năm 2017.

5.2.2. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty các năm gần đây được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
01	Giá vốn hàng bán	34.962.362	73,42%	46.464.045	69,78%
02	Chi phí bán hàng	28.320	0,06%	42.600	0,06%
03	Chi phí QLDN	10.010.324	21,02%	10.148.218	15,24%
04	Chi phí tài chính	-	-	-	-
Tổng cộng		45.001.006	94,50%	56.654.863	85,09%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO

Trong giai đoạn 2016-2017, tổng chi phí hoạt động chiếm tỷ trọng trên tổng doanh thu thuần có xu hướng giảm từ 94,5% xuống còn 85,1%, chủ yếu do việc kiểm soát hiệu quả giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến cao su nên giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân khoảng 71,3% doanh thu thuần. Tiếp đến là chi phí quản lý doanh nghiệp có tỷ trọng trên doanh thu thuần bình quân khoảng 17,7%. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu thuần của Công ty qua các năm, luôn duy trì dưới mức 0,1%. Ngoài ra, Công ty không sử dụng nợ vay để tài trợ vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nên không phát sinh chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.



5.3. Hoạt động Marketing

Công ty luôn có giải pháp để chú trọng hơn về hoạt động marketing ngoài việc đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu thông qua việc xây dựng và cải tiến website Công ty và tham gia các hiệp hội có liên quan đến ngành nghề cao su, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, các hội chợ chuyên ngành trong và ngoài tỉnh.

5.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty hiện tại đã sử dụng biểu tượng Logo sau, nhưng chưa đăng ký thương hiệu.



5.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Sản lượng (tấn)	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1.	Công ty cp cao su Việt Phú Thịnh	Mủ RSS3	780	30.616	2017
2.	Công ty TNHH MTV Cao su Xuất khẩu Thuận Phát	Mủ RSS3	300	13.230	2017
3.	Công ty TNHH TM & dịch vụ Quốc Toàn	Mủ RSS3	108	4.332	2017
4.	Công ty Phát triển PTN	Mủ RSS3	80	2.800	2017
Tổng cộng			1.268	50.978	

Nguồn: CTCP Cao su Công nghiệp

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 và 2017

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 và năm 2017

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% +/-
1.	Tổng giá trị tài sản	141.927.670	263.585.882	85,72%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% +/-
2.	Vốn chủ sở hữu	121.000.000	172.042.842	42,18%
3.	Doanh thu thuần	47.619.965	66.582.180	39,82%
4.	Lợi nhuận từ HĐKD	8.165.012	13.763.936	68,57%
5.	Lợi nhuận khác	109.325	1.454.370	1.230,32%
6.	Lợi nhuận trước thuế	8.274.338	15.218.306	83,92%
7.	Lợi nhuận sau thuế	7.139.119	12.642.569	77,09%
8.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,90%	8,63%	46,24%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

✦ Thuận lợi:

- Lực lượng cán bộ Công nhân viên Công ty hiện nay có đủ năng lực và kinh nghiệm để trồng, chăm sóc, khai thác, sơ chế cao su có hiệu quả cao nhất. Tổ chức quản lý, điều hành đưa hoạt động của Công ty phát triển bền vững;
- Với công suất của các máy móc thiết bị, công nghệ hiện nay, sản phẩm Công ty làm ra đạt chỉ tiêu về chất lượng của ngành cao su quy định, đáp ứng những tiêu chuẩn khách hàng đặt ra, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường, đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh;
- Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tại Công ty ngày càng được nâng cao nên họ phấn khởi yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Cán bộ CNV đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Công ty có mối quan hệ gắn kết với địa phương nơi đơn vị đóng chân, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ lẫn nhau trên các mặt công tác;
- Về yếu tố tự nhiên: Vùng sinh thái miền Đông nam bộ có điều kiện khí hậu thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng và khai thác cao su. Địa hình bằng phẳng, độ dốc không lớn, thuận lợi cho việc phát triển cây cao su;
- Về công nghệ: Công ty vận dụng những công nghệ trong ngành sinh học, về lĩnh vực giống cây, kỹ thuật canh tác, những công nghệ hóa sinh, lý sinh kích thích gia tăng cường độ tiết mủ... làm tăng năng suất vườn cây.



⚡ **Khó khăn:**

- Biến đổi khí hậu, mưa bão nhiều làm cây gãy đổ, nắng hạn gay gắt làm chết cây, dịch bệnh phát sinh làm cây suy yếu ảnh hưởng đến năng suất sản lượng vườn cây;
- Ở một số vùng thuộc vùng sâu, vùng xa thiếu nước sinh hoạt, không có điện, xa trường học, xa bệnh viện, giao thông đi lại không thuận lợi;
- Diện tích nhỏ rải rác trên địa bàn 7 xã ở các Huyện Xuân Lộc, Thị Xã Long Khánh tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Thuận nên khó khăn trong công tác quản lý vườn cây;
- Một số diện tích vườn cây nằm ở vùng nam trung bộ có điều kiện khí hậu khắc nghiệt, thổ nhưỡng kém, cải tạo đất khó, năng suất vườn cây thấp;
- Diện tích cao su ngày càng thu hẹp do quy hoạch phát triển đô thị, công nghiệp hóa làm giảm qui mô, giảm năng lực cạnh tranh của Công ty;
- Việc tìm quỹ đất để đầu tư mở rộng, tăng quy mô Công ty gặp nhiều khó khăn do quỹ đất để phát triển nông nghiệp trong tỉnh rất hạn chế. Mặt khác cơ chế, chính sách, thủ tục giao đất, cho thuê đất cũng còn có những trở ngại nhất định;
- Sản lượng và cung cầu cao su thế giới tăng giảm theo từng chu kỳ, giá cao su cũng thường xuyên biến động, do vậy sản xuất kinh doanh cao su có những giai đoạn gặp rất nhiều khó khăn.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Với vị trí địa lý của vùng sinh thái miền Đông nam bộ có điều kiện khí hậu thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng và khai thác cao su. Địa hình bằng phẳng, độ dốc không lớn, thuận lợi cho việc phát triển cây cao su và cho ra sản lượng mùa cao su chất lượng.
- Với hệ thống máy móc thiết bị được chú trọng đầu tư và các ứng dụng về khoa học công nghệ sản phẩm Công ty làm ra đạt chỉ tiêu về chất lượng của ngành cao su quy định, đáp ứng những tiêu chuẩn khách hàng đặt ra, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường, đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Giá cao su tự nhiên phụ thuộc vào các yếu tố chính như: Sự tăng trưởng GDP thế giới, đặc biệt là GDP Trung Quốc, Tỷ giá đồng USD so với các đồng của các quốc gia xuất khẩu; Nhu cầu của ngành công nghiệp ô tô sẫm lốp; Sự biến động của giá dầu. Sự thay đổi của một trong các yếu tố này sẽ có tác động mạnh mẽ đến giá cao su.



- Kết thúc năm 2016, Việt Nam đã vươn lên là một quốc gia sản xuất cao su tự nhiên đứng trong top đầu của thế giới. Đây là nỗ lực của toàn thể ngành cao su nước nhà. Tuy nhiên, thị phần cao su Việt Nam vẫn khá thấp (9%) so với các nước Thái Lan (35%) và Indonesia (26%). Do đó tính quyết định đến giá cao su không cao.
- Phần lớn cao su Việt Nam được xuất khẩu, tiêu thụ nội địa chiếm tỉ trọng rất nhỏ. 90% cao su sản xuất trong nước và gần 30% sản lượng nhập khẩu là để phục vụ xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc chiếm khoảng 47%. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc là thị trường có nhiều biến động.
- Các sản phẩm chế biến từ cao su ngày càng được đẩy mạnh như găng tay y tế, chỉ phun, bóng thể thao, các sản phẩm chế biến từ gỗ cao su như bàn, tủ, ghế, viên nén gỗ, sàn gỗ ép,... Sự phát triển của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ cao su là tiền đề cho sự phát triển của các doanh nghiệp khai thác, chế biến cao su.
- Với những khó khăn mà ngành cao su đang phải đối mặt cả về điều kiện khí hậu, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông sản nói chung và cây cao su nói riêng. Đó cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy ngành cao su Việt Nam tiếp tục phát triển trong những năm tới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Yếu tố	31/12/2017	Cơ cấu
Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	284	100%
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.554.000	
Phân theo trình độ chuyên môn		
+ Đại học:	16	5,63%
+ Cao đẳng, trung cấp:	10	3,52%
+ Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	258	90,85%

Nguồn: CTCP Cao su Công nghiệp

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chính sách nhân sự chung

Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.



Chính sách tiền lương:

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là nhân viên có chuyên môn cao cũng như kinh nghiệm nhiều năm trong ngành thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

Chính sách thưởng:

Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.

Chương trình đào tạo:

Chính sách tuyển dụng, đào tạo, tuyển dụng: công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong và ngoài nước.

Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty đã đạt ...

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Bên cạnh, việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty còn tổ chức cho đại đa số công nhân, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gần gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc; tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỷ.

Công ty thực hiện trả đủ công, thưởng năng suất... giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho nhân viên.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

- Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu vốn góp;
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Trong giai đoạn 2016 - 2017, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn nên không thực hiện chi trả cổ tức.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm
Vườn cây lâu năm	20 - 25 năm

10.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Đến ngày 31/12/2017, Công ty không có các khoản vay đến hạn cần thanh toán.

10.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1	Thuế giá trị gia tăng	-	342.232
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	456.353	904.307
4	Thuế thu nhập cá nhân	25.705	48.213
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	45.824
	TỔNG CỘNG	482.058	1.340.576

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO



10.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Do mới chuyển sang loại hình cổ phần từ đầu năm 2018, nên Công ty chưa tiến hành trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Điều lệ Công ty và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ cuối năm 2016 và 2017 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.760.670	5.538.664
	TỔNG CỘNG	10.760.670	5.538.664

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO

10.1.5. Tổng dư nợ vay

Trong giai đoạn 2016 – 2017, Công ty không sử dụng nợ vay để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh.

10.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	869.015	2.063.143
1	Trả trước cho người bán	69.863	77.500
2	Phải thu ngắn hạn khác	799.152	1.985.643
II	Các khoản phải thu dài hạn	86.224	2.256.473
1	Chi phí trả trước dài hạn	86.224	2.256.473
	Tổng cộng	955.239	4.319.616

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017
I	Nợ ngắn hạn	20.927.670	91.543.040



Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017
1	Thuế và các khoản phải nộp NN	482.058	1.340.576
2	Phải trả người lao động	8.737.080	4.197.178
3	Chi phí phải trả ngắn hạn	55.000	55.000
4	Phải trả ngắn hạn khác	892.862	80.411.622
5	Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.760.670	5.538.664
II	Nợ dài hạn	-	-
	Tổng cộng	20.927.670	91.543.040

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,46	1,69
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	2,58	1,55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	14,75	34,73
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	17,30	53,21
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	1,89	2,96
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,34	0,33
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	14,99	18,99
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,90	8,63
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	5,11	6,24
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	17,15	20,67

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO



11. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.649.843	5.659.655	48,58%
2	Máy móc thiết bị	1.675.410	884.577	52,80%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.492.447	2.537.163	39,08%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	638.161	405.194	63,49%
5	Vườn cây lâu năm	100.147.541	58.237.318	58,15%
	Tổng cộng	120.603.402	67.723.907	56,15%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Xây dựng cơ bản	Giá trị
1	Dự án trồng cao su tại xã Xuân Tâm	2.687.937
2	Dự án trồng cao su tại xã Hàng Gòn	797.823
3	Văn phòng đội Tân Định	54.545
	TỔNG CỘNG	3.540.305

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của INRUCO.

12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018-2020

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của CTCP Cao su Công nghiệp đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn 2018-2020 cụ thể như sau:

Đvt: Triệu đồng

Stt	TÊN CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018-2020					
			Năm 2018	% +/- so 2017	Năm 2019	% +/- so 2018	Năm 2020	% +/- so 2019
1	Vốn điều lệ	121.000	175.000	44,63	175.000	-	175.000	-
2	Tổng doanh thu	66.582	66.933	0,53	80.436	20,17	87.666	8,99
3	Lợi nhuận sau thuế	12.643	12.339	(2,40)	19.862	60,97	21.404	7,76
4	LNST trên tổng doanh thu (%)	18,99	18,43	(2,94)	24,69	33,97	24,42	(1,09)
5	LNST trên VDL (%)	10,45	7,05	(32,53)	11,35	60,99	12,23	7,75
6	Tỷ lệ cổ tức trên VDL (%)	-	5,29	-	8,51	60,87	9,17	7,76

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập CTCP Cao su Công nghiệp ngày 09/02/2018

12.2 Cơ sở thực hiện kế hoạch

Nhằm thực hiện kế hoạch trong giai đoạn 2018-2020, CTCP Cao su Công nghiệp tập trung chủ yếu vào các cơ sở cụ thể như sau:

❖ Giải pháp về sản phẩm và thị trường

Về sản phẩm:

- Trồng, chăm sóc, khai thác, sơ chế cao su tờ xông khói(RSS), trồng rừng, kết hợp với phát triển chăn nuôi là ngành nghề sản xuất kinh doanh chính;
- Kết hợp giữa phát triển vùng nguyên liệu của Công ty, thu mua nguyên liệu của khu vực cao su dân doanh với sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ, hình thành mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp nông, lâm, công nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa trên đơn vị diện tích sản xuất;
- Tổ chức mua mũ nước cao su dân doanh trong khu vực để sơ chế cao su thành phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng máy móc.

Về thị trường

- Bảo đảm giữ được khách hàng truyền thống, thực hiện phương án tiêu thụ hợp lý, vừa bảo đảm doanh thu, lợi nhuận, vừa có tính kế thừa tích lũy. Tích cực nắm bắt thông tin, phân tích và dự báo tình hình thị trường nhằm tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả cao nhất;



- Ngành công nghiệp trong nước ngày càng phát triển theo tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, nhu cầu nguyên liệu cao su cho công nghiệp ngày càng cao, với mức sản lượng bình quân hàng năm của Công ty từ 1.200 đến 2.000 tấn, cần tập trung xây dựng thị trường tiêu thụ trực tiếp trong nước là phù hợp và có hiệu quả cao nhất;
 - Đồng thời xây dựng chương trình, kế hoạch, phát huy mọi nguồn lực của Công ty, đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài Tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai để từng bước mở rộng thị trường;
 - Cải tiến nội dung và hình thức trang Web để giới thiệu về Công ty và giới thiệu sản phẩm; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng;
 - Tham gia các hiệp hội có liên quan đến ngành nghề Công ty kinh doanh, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, các hội chợ chuyên ngành trong và ngoài tỉnh.
- ❖ **Giải pháp về đầu tư.**
- Đầu tư máy móc thiết bị.***
- Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có, đối chiếu với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xác định nhu cầu và đẩy mạnh đầu tư mới thiết bị.
 - Tiếp tục đầu tư nâng cấp xưởng chế biến cao su từ xông khói lên 2.000T/năm;
 - Làm giàn nâng, treo mũ lên xe goòng áp dụng theo quy trình công nghệ mới do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ban hành.
- Đầu tư trồng và chăm sóc cao su.***
- Tiếp tục đầu tư chăm sóc 20,18 ha vườn cây kiến thiết cơ bản phát triển đạt yêu cầu Quy trình kỹ thuật năm 2014 của Tập đoàn Cao su Việt Nam quy định.
 - Hàng năm thanh lý từ 25 đến 50 ha vườn cây cao su già hết khấu hao, năng suất thấp trồng tái canh bằng giống mới năng suất cao.
 - Tìm quỹ đất đầu tư trồng mới phát triển thêm từ 500 ha đến 1000ha cao su.
- Đầu tư chăn nuôi.***
- Hợp tác, liên kết với các đơn vị có thế mạnh về chăn nuôi trong Tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đầu tư phát triển chăn nuôi trên những vùng đất cao su có quy hoạch chăn nuôi trong thời gian thích hợp mà chăn nuôi có hiệu quả.
- Đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao.***
- Tìm hiểu mô hình, lựa chọn công nghệ phù hợp để đầu tư nông nghiệp công nghệ cao khoảng 150 ha đến 200 ha để sản xuất cung ứng nông sản sạch cho khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong vùng.



Đầu tư kinh doanh bất động sản.

- Nghiên cứu hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước đầu tư kinh doanh bất động sản trên những vùng đất cao su có quy hoạch khu dân cư, khu đô thị...

❖ Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Nâng cao chất lượng từng chức danh quản lý, đáp ứng theo yêu cầu thực hiện thắng lợi mục tiêu SXKD của Công ty giai đoạn 2018-2020;
- Tuyển dụng nhân sự đầu vào có chất lượng, tạo nguồn cán bộ lâu dài phục vụ các lĩnh vực SXKD Công ty cần như: Cán bộ quản lý, lãnh đạo, chuyên môn, công nhân lành nghề v.v...;
- Kết hợp đào tạo và đào tạo lại các đối tượng trên định kỳ và hàng năm, đảm bảo xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, trình độ, thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược và kế hoạch, chỉ tiêu hàng năm thắng lợi, tiếp tục đưa Công ty vượt qua khó khăn, phát triển bền vững;
- Thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hộ lao động, trợ cấp thôi việc, nghỉ hưu trí, nghỉ dưỡng sức hàng năm v.v...;

❖ Giải pháp về Khoa học - công nghệ.

- Công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, tập thể tăng cường phát huy nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ. Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Công ty.
- Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ vào quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Phấn đấu đưa năng suất vườn cây đạt từ 1,6 đến 1,8 tấn/ha trong giai đoạn 2018 – 2020;
- Đảm bảo vườn cây KTCB đạt 95% số cây đưa vào khai thác năm đầu tiên;
- Phấn đấu tăng tỷ lệ RSS3 mỗi năm tăng 2%: Năm 2018: 75%, năm 2019: 80%, năm 2020: 85%;
- Cải tiến một số qui trình để giảm giờ lao động và cường độ lao động của công nhân trong mùa cao điểm.
- Phấn đấu giảm chi phí sản xuất, chi phí đầu tư để giảm suất đầu tư, hạ giá thành sản phẩm.



❖ **Giải pháp về tài chính.**

- Thực hiện công tác đầu tư và quản trị tài chính theo đúng quy định của Nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu; nâng cao và duy trì năng lực tài chính lành mạnh của Công ty.
- Cân đối nguồn vốn bảo đảm tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được phê duyệt; nghiên cứu đầu tư vốn vào các dự án, các lĩnh vực mang tính chiến lược, hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn nhanh, lợi nhuận cao.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng
Không có.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

CTCP Cao su Công nghiệp đặt ra các mục tiêu cơ bản cho chiến lược phát triển của Công ty như sau:

- Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai; xác định rõ trách nhiệm gắn với quyền lợi trong quản lý, sử dụng đất đai; tiếp tục duy trì và phát triển vùng sản xuất nông sản, hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, phù hợp với quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn;
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Công ty và Người lao động; phát huy vai trò trung tâm kinh tế, ứng dụng khoa học, công nghệ, văn hóa đối với nhân dân trong vùng, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương nơi Công ty hoạt động.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty
Không có.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Hoàng Ân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Đăng Tấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Đỗ Tấn Diễm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
4	Ông Nguyễn Cao Trí	Thành viên HĐQT
5	Ông Trần Hải Bình	Thành viên HĐQT



1.1 Ông Trịnh Hoàng Ân – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **TRỊNH HOÀNG ÂN**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày tháng năm sinh: **22/3/1960**
 Nơi sinh: **Đồng Nai**
 CMND: **270092256**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Dân tộc: **Kinh**
 Quê quán: **Đồng Nai**
 Địa chỉ thường trú: **5/14 KP4, Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1976-1978	Ủy Ban phường Thống nhất, Biên Hòa, Đồng Nai - Thư ký
+ Từ 1978-1987	Phòng Tài vụ Sở Công nghiệp Đồng Nai - Kế toán
+ Từ 1988-1993	Công ty chế biến gỗ Tân Mai- Kế toán trưởng
+ Từ 1994-6/2001	Công ty dịch vụ Môi trường Biên Hòa- Giám đốc
+ Từ 6/2001-8/2013	Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa- Giám đốc
+ Từ 8/2013-02/2018	Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp- Chủ tịch HĐQT
+ Từ 09/02/2018 - nay	Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp- Chủ tịch HĐQT

Chức vụ công tác tại Công ty: **Chủ tịch HĐQT**
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**
 Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): **6.277.500 cổ phiếu, chiếm 35,87% vốn điều lệ.**
 + Đại diện sở hữu (DOFICO): **6.273.600 cổ phiếu, chiếm 35,85% vốn điều lệ.**
 + Cá nhân sở hữu: **3.900 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ.**
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: **Không có**
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không có**
 Những khoản nợ đối với Công ty: **Không có**



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.2 Ông Nguyễn Đăng Tấn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG TẤN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/4/1966

Nơi sinh: Đồng Nai

CMND: 271257420

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Trị

Địa chỉ thường trú: Ấp Cẩm Tân- Xuân Tân-TX Long Khánh-Đồng Nai.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cao su – Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 5/1990-9/1990	Phòng Kỹ thuật Cty Cao su Công nghiệp – Nhân viên
+ Từ 10/1990-12/1992	Tổ chế biến Đội Cao su Tân Định- Công ty Cao su Công nghiệp – Tổ trưởng
+ Từ 01/1993-12/1994	Phòng Kỹ thuật Cty Cao su Công nghiệp – Phó phòng
+ Từ 01/1995-6/2004	Đội Cao su Tân Định-Công ty Cao su Công nghiệp – Đội trưởng
+ Từ 6/2004-10/2012	Đội Cao su Xuân Hòa-Công ty Cao su Công nghiệp – Đội trưởng
+ Từ 11/2012-3/2013	Công ty Cao su Công nghiệp-Trợ lý Giám đốc
+ Từ 4/2013-8/2013	Công ty Cao su Công nghiệp-Phó Giám đốc
+ Từ 9/2013-3/2018	Công ty Cao su Công nghiệp-Giám đốc , TV HĐQT
+ Từ 3/2018- nay	Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp-Giám đốc , TV HĐQT

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): 3.506.700 cổ phiếu, chiếm 20,04% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu (DOFICO): 3.500.000 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

+ Cá nhân sở hữu: 6.700 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



1.3 Ông Đỗ Tấn Điềm – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Họ và tên: **ĐỖ TẤN ĐIỀM**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/3/1962

Nơi sinh: Quảng Ngãi

CMND: 270943255

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Số 68 Quốc lộ I, Xuân Tân, TX Long Khánh, Đồng Nai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1984-1990	Phòng Kế hoạch vật tư Công ty Cao su Công nghiệp – Nhân viên
+ Từ 1991-1992	Phòng Kế hoạch vật tư Công ty Cao su Công nghiệp – Phó phòng
+ Từ 1993-2003	Phòng Kế hoạch vật tư Công ty Cao su Công nghiệp – Trưởng phòng
+ Từ 2004-2012	Phòng Kế hoạch vật tư Công ty Cao su Công nghiệp – Trưởng phòng, TV HĐQT
+ Từ 2013-3/2018	Công ty Cao su Công nghiệp- Phó Giám đốc
+ Từ 3/2018 đến nay	Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp – TV.HĐQT, Phó GD

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): 1.755.200 cổ phiếu, chiếm 10,03% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.750.000 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 5.200 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.4 Ông Nguyễn Cao Trí - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: NGUYỄN CAO TRÍ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/8/1970

Nơi sinh: Lâm Đồng

CMND: 023327894

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam – Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: 20/9 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1999-2005	Công ty BenThanh Tourist- Giám đốc đầu tư
+ Từ 2006-2014	Công ty BenThanh Land- Tổng Giám đốc
+ Từ 2014- nay	CTCP Tập đoàn Cabella - Chủ tịch kiêm Giám đốc
+ Từ 02/2018 - nay	CTCP Cao su Công nghiệp – Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch kiêm Giám đốc CTCP Tập đoàn CAPELLA.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): 1.312.500 cổ phiếu, chiếm 7,5% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu (CTCP Tập đoàn CAPELLA): 1.312.500 cổ phiếu, chiếm 7,5% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.5 Ông Trần Hải Bình - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **TRẦN HẢI BÌNH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1960

Nơi sinh: Bến Tre

Passport: 020360250

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bến Tre

Địa chỉ thường trú: 37/12 Nguyễn Phi Khanh, P Tân Định, Q1, TP Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1980-1983	Đi bộ đội
+ Từ 1984-1995	Công ty kho vận ngoại thương
+ Từ 1996-2006	Công ty giao nhận Nam Á
+ Từ 2006- Nay	Công ty cổ phần tập đoàn Capella- Phó Tổng Giám đốc
+ Từ 02/2018 - nay	CTCP Cao su Công nghiệp – Thành viên HĐQT



Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn CAPELLA

Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2. Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Hồng Loan	Trưởng BKS
2	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS
3	Bà Mai Minh Phương	Thành viên BKS

2.1 Bà Trần Thị Hồng Loan - Thành viên BKS

Họ và tên: **TRẦN THỊ HỒNG LOAN**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 20/7/1986

Nơi sinh: Đồng Nai

CMND: 2716214264

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: Số 88, đường 21/4, xã Xuân Tân, TX Long Khánh, Đồng Nai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế



Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 2010-2015	Công ty Cao su Công nghiệp- Kế toán
+ Từ 2016 – 02/2018	Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp- Kiểm soát viên
+ Từ 02/2018 - nay	Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp- Trưởng BKS

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng BKS

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): 5.700 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 5.700 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2.2 Bà Mai Minh Phương - Thành viên BKS

Họ và tên: MAI MINH PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/3/1981

Nơi sinh: Long An

CMND: 301086557

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Long An

Địa chỉ thường trú: Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế



Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 2003-2008	Công ty thời trang xinh- Kế toán trưởng
+ Từ 2009- Nay	Công ty CP Tập đoàn Capella- Phó Giám đốc Tài chính
+ Từ 02/2018 - nay	CTCP Cao su Công nghiệp – Thành viên BKS

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Tài chính – CTCP Tập đoàn CAPELLA

Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2.3 Bà Ngô Thị Cẩm Hà - Thành viên BKS

Họ và tên: **NGÔ THỊ CẨM HÀ**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1986

Nơi sinh: Đồng Nai

CMND: 271812976

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: 1A/4, KP2, P Tân Mai, TP Biên Hòa, Đồng Nai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 2010- Nay	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai- chuyên viên phòng kiểm toán nội bộ
+ Từ 02/2018 - nay	CTCP Cao su Công nghiệp – Thành viên BKS

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Phòng kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.
Thành viên Ban kiểm soát Công ty Nông súc sản Đồng Nai, Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai, Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai.

Số CP nắm giữ (ngày 26/03/2018): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đăng Tấn	Giám đốc
2	Ông Đỗ Tấn Điền	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Hùng	Kế toán trưởng

3.1 Ông Nguyễn Đăng Tấn – Giám đốc

Xem tại Mục 1.2 (thông tin Hội đồng quản trị)

3.2 Ông Đỗ Tấn Điền – Phó Giám đốc

Xem tại Mục 1.3 (thông tin Hội đồng quản trị)



3.3 Ông Nguyễn Văn Hùng – Kế toán trưởng

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày tháng năm sinh: **28/5/1963**
 Nơi sinh: **Đồng Nai.**
 CMND: **270599862**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Dân tộc: **Kinh**
 Quê quán: **Nam Định**
 Địa chỉ thường trú: **Cẩm Tân, Xuân Tân, TX Long Khánh, Đồng Nai.**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1984-1988	Công ty Cao su Công nghiệp- Kế toán vật tư
+ Từ 1988-2010	Công ty Cao su Công nghiệp- Kế toán Tổng hợp
+ 2010- 2/2018	Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp- Kế toán trưởng
+ 02/2018 - nay	CTCP Cao su Công nghiệp – Kế toán trưởng

Chức vụ công tác tại Công ty: **Kế toán trưởng**

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**

Số CP nắm giữ (thời điểm 26/03/2018): **5.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ**

+ Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.**

+ Cá nhân sở hữu: **5.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ**

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: **không có**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **không có**

Những khoản nợ đối với Công ty: **không có**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **không có**

Hành vi vi phạm pháp luật: **không có**

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Hiện nay, Công ty đang triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty đang tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:

- Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Quan hệ nội bộ Công ty.
- Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

Đối với hoạt động công bố thông tin sau khi trở thành công ty đại chúng, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

IV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục II: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty;
3. Phụ lục III: Bản sao Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập ngày 09/02/2018;
4. Phụ lục IV: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
5. Phụ lục V: Danh sách cổ đông của Công ty.



Đồng Nai, ngày 12.. tháng 4.. năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐĂNG TẤN